

Du lịch biên giới ở Việt Nam: Đặc điểm và định hướng phát triển trong thời kỳ hội nhập quốc tế

Nguyễn Thị Hồng Nhung*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Du lịch biên giới là một loại hình du lịch đặc thù, hình thành và phát triển trong không gian biên giới quốc gia - nơi diễn ra sự giao thoa đa chiều về kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị giữa các quốc gia láng giềng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng, du lịch biên giới không chỉ góp phần khai thác tiềm năng du lịch vùng biên mà còn giữ vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường giao lưu nhân dân và củng cố quan hệ đối ngoại. Việt Nam, với đường biên giới đất liền dài và tiếp giáp Trung Quốc, Lào và Campuchia, có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch này.

Bài viết làm rõ khái niệm du lịch biên giới, chỉ ra sự khác biệt của loại hình này so với các hình thức du lịch khác, đồng thời xác định các yếu tố chủ yếu tác động đến sự hình thành và phát triển của du lịch biên giới ở Việt Nam. Các yếu tố đó bao gồm điều kiện địa lý tự nhiên, vị trí không gian biên giới, quan hệ chính trị - ngoại giao, hoạt động kinh tế biên mậu, hệ thống hạ tầng giao thông và sự giao lưu văn hóa của các cộng đồng cư dân biên giới.

Thông qua phân tích các trường hợp điển hình tại một số tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia, bài báo chỉ ra những đặc điểm nổi bật của du lịch biên giới Việt Nam hiện nay như tính liên quốc gia cao, sự gắn kết chặt chẽ với kinh tế biên mậu, vai trò quan trọng của cộng đồng cư dân địa phương và sự phụ thuộc vào môi trường chính trị - ngoại giao ổn định. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số định hướng phát triển nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch biên giới, góp phần thúc đẩy phát triển vùng biên theo hướng bền vững trong tiến trình hội nhập của Việt Nam.

Từ khóa: du lịch biên giới, hội nhập khu vực, phát triển vùng biên, Việt Nam

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Hồng Nhung, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: hongnhung@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 06-03-2026
- Ngày sửa đổi: 20-05-2026
- Ngày chấp nhận: 31-08-2026
- Ngày đăng: 28-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1346>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế khu vực ngày càng sâu rộng, DLBG đã nổi lên như một loại hình du lịch đặc thù, thúc đẩy trao đổi kinh tế, góp phần củng cố mối quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia láng giềng. DLBG (border tourism) được hiểu là các hoạt động du lịch diễn ra tại khu vực biên giới quốc gia, nơi mà sự giao thoa giữa các nền văn hóa, kinh tế và chính trị tạo nên sức hấp dẫn độc đáo. Không giống như du lịch nội địa tập trung vào các điểm đến trong nước hay du lịch quốc tế đòi hỏi thủ tục nhập cảnh phức tạp, DLBG thường nhấn mạnh vào tính liên quốc gia, với các hoạt động như mua sắm biên mậu, khám phá văn hóa dân tộc thiểu số và trải nghiệm thiên nhiên xuyên biên giới¹. Tại Việt Nam, một quốc gia có đường biên giới đất liền dài hơn 4.500km giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia, cùng với biên giới biển mở rộng, loại hình du lịch này đã phát triển từ các hình thức giao thương truyền thống đến các mô hình hợp tác khu vực hiện đại, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội đáng kể².

Trong lịch sử, biên giới Việt Nam là ranh giới chính trị, là không gian sống động của giao lưu văn hóa và thương mại. Ngày nay, với sự phát triển của các hiệp định hợp tác như Hiệp định khung về du lịch ASEAN và các dự án hạ tầng như Hành lang Kinh tế Đông - Tây, DLBG đã trở thành động lực cho phát triển vùng biên, giúp giảm nghèo và bảo tồn di sản văn hóa³. Tuy nhiên, sự phát triển này đối mặt với không ít thách thức. Biên giới thường gắn liền với các vấn đề an ninh, buôn lậu, di cư bất hợp pháp và kiểm soát dịch bệnh, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đã làm gián đoạn các hoạt động du lịch từ năm 2020 đến 2023. Nghiên cứu này nhằm làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành DLBG, đặc điểm và đề xuất các giải pháp để thúc đẩy hợp tác khu vực hiệu quả hơn. Mục tiêu chính của bài báo là: (1) Phân tích cơ sở lý luận về DLBG và các yếu tố ảnh hưởng; (2) Làm rõ sự phát triển của DLBG ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; (3) Rút ra đặc điểm của DLBG ở Việt Nam; (4) Đề ra các kiến nghị giải pháp mang tính định hướng để DLBG ở Việt Nam phát triển bền vững.

Trích dẫn bài báo này: Nhung N.T.H. **Du lịch biên giới ở Việt Nam: Đặc điểm và định hướng phát triển trong thời kỳ hội nhập quốc tế.** VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026;10(3):4282-4293.

CƠ SỞ LÝ LUẬN

DLBG (border tourism) là một khái niệm ngày càng được quan tâm trong lĩnh vực du lịch học, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập khu vực. Theo định nghĩa, DLBG bao gồm các hoạt động du lịch diễn ra tại hoặc gần các đường biên giới quốc gia, nơi mà biên giới là ranh giới chính trị và là không gian hấp dẫn du khách nhờ sự đa dạng văn hóa, kinh tế và cảnh quan⁴. Khái niệm này nhấn mạnh vào việc biên giới có thể đóng vai trò như một điểm thu hút du lịch, thay vì chỉ là rào cản, thông qua các hoạt động như mua sắm biên mậu, khám phá di sản văn hóa xuyên biên giới và trải nghiệm thiên nhiên. Trong nghiên cứu, DLBG thường được xem xét dưới góc độ biên giới như một nguồn tài nguyên du lịch, nơi mà sự khác biệt giữa các quốc gia tạo nên sức hút độc đáo, chẳng hạn sự chuyển tiếp văn hóa giữa hai bên biên giới⁵.

Để phân biệt rõ ràng, DLBG khác biệt so với du lịch nội địa, du lịch quốc tế và du lịch xuyên biên giới. Du lịch nội địa tập trung vào các hoạt động trong lãnh thổ quốc gia, không liên quan đến việc vượt biên giới, thường nhấn mạnh vào di sản quốc gia và nghỉ dưỡng nội địa⁶. Ngược lại, du lịch quốc tế đòi hỏi thủ tục nhập cảnh phức tạp và thường liên quan đến khoảng cách địa lý lớn, với mục tiêu khám phá các nền văn hóa xa xôi. DLBG thường diễn ra trong khoảng cách ngắn, tận dụng biên giới như một yếu tố trung tâm, và có thể không yêu cầu visa đầy đủ nếu có thỏa thuận song phương. Du lịch xuyên biên giới (cross-border tourism) có thể trùng lặp với DLBG, nhưng thường nhấn mạnh vào việc di chuyển qua biên giới để thực hiện các hoạt động kinh tế hoặc văn hóa, trong khi DLBG tập trung hơn vào bản thân biên giới như điểm đến⁷. Sự phân biệt này giúp làm rõ rằng DLBG là di chuyển, là trải nghiệm sự giao thoa tại ranh giới.

Đặc trưng của DLBG bao gồm không gian hoạt động giới hạn ở khu vực biên giới, mục tiêu di chuyển thường ngắn hạn và tập trung vào trao đổi kinh tế - văn hóa, cũng như mối quan hệ liên quốc gia phụ thuộc vào chính sách ngoại giao. Không gian hoạt động thường là các cửa khẩu, chợ biên giới hoặc khu vực lân cận, nơi du khách có thể trải nghiệm sự chuyển tiếp giữa hai hệ thống xã hội⁸. Mục tiêu di chuyển bao gồm mua sắm, tham quan di tích lịch sử biên giới hoặc tham gia lễ hội dân tộc thiểu số, khác với du lịch truyền thống tập trung vào nghỉ dưỡng dài ngày. Mối quan hệ liên quốc gia là yếu tố then chốt, vì biên giới có thể trở thành điểm nóng du lịch nếu quan hệ ngoại giao ổn định, nhưng cũng có thể bị hạn chế bởi xung đột hoặc kiểm soát an ninh^{9,10}.

Về lý thuyết phát triển du lịch vùng biên, nghiên cứu này dựa trên ba khung lý thuyết chính: lý thuyết về

không gian biên (borderland studies), lý thuyết giao lưu - giao thoa văn hóa và lý thuyết phát triển vùng và liên kết khu vực. Lý thuyết về không gian biên (borderland studies) xem biên giới là đường phân chia và là không gian động, nơi diễn ra sự tương tác xã hội, kinh tế và văn hóa. Lý thuyết này có nguồn gốc từ bối cảnh Mỹ - Mexico nhưng có thể áp dụng rộng rãi, nhấn mạnh rằng biên giới là khu vực bất ổn nhưng cũng đầy tiềm năng phát triển, nơi danh tính dân tộc được tái định nghĩa qua tương tác¹¹. Trong du lịch, lý thuyết về không gian biên giải thích cách biên giới trở thành điểm thu hút bằng cách khai thác sự đa dạng và xung đột văn hóa, đồng thời khuyến khích nghiên cứu liên ngành về biên giới như một thực thể xã hội. Các nghiên cứu lịch sử về biên giới Đại Tây Dương cho thấy biên giới là nơi các xã hội khác biệt va chạm, tạo nên cơ hội du lịch. Lý thuyết này cũng nhấn mạnh vai trò của biên giới trong việc thách thức chủ quyền quốc gia và thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới¹².

Lý thuyết giao lưu - giao thoa văn hóa (cultural exchange and hybridity theory) tập trung vào cách DLBG thúc đẩy trao đổi văn hóa, dẫn đến sự hòa quyện và hình thành các bản sắc mới. Trong du lịch, giao lưu văn hóa diễn ra qua các hoạt động như biểu diễn truyền thống, trao đổi hàng hóa hoặc lễ hội chung, giúp du khách thách thức định kiến và phát triển sự linh hoạt nhận thức. Lý thuyết này lấy cảm hứng từ khái niệm tiếp biến văn hóa (acculturation), nơi văn hóa địa phương được thương mại hóa để phục vụ du lịch, nhưng cũng tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng biên giới. Tại biên giới, giao thoa văn hóa đặc biệt mạnh mẽ do sự gần gũi địa lý, như trong du lịch văn hóa dân tộc thiểu số, nơi du khách trải nghiệm sự kết hợp giữa các yếu tố truyền thống của hai bên biên giới¹³. Nghiên cứu tại biên giới Slovakia - Hungary cho thấy du lịch văn hóa xuyên biên giới tăng cường nhu cầu tìm kiếm bản sắc, góp phần vào hội nhập lãnh thổ¹⁰. Tuy nhiên, lý thuyết này cũng cảnh báo về rủi ro mất bản sắc văn hóa nếu giao lưu không được quản lý bền vững¹⁴.

Lý thuyết phát triển vùng và liên kết khu vực (regional development and linkage theory) xem DLBG như một công cụ để thúc đẩy phát triển kinh tế vùng, thông qua liên kết hạ tầng và hợp tác khu vực. Lý thuyết này dựa trên nguyên tắc phát triển nội sinh, nơi du lịch được tích hợp vào chiến lược phát triển vùng để giảm bất bình đẳng¹⁵. Trong bối cảnh du lịch, liên kết khu vực bao gồm việc hình thành các hành lang kinh tế - du lịch, nơi các trung tâm biên giới trở thành cực tăng trưởng¹⁶. Nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy du lịch có thể liên kết với đô thị hóa và toàn cầu hóa, thúc đẩy phát triển vùng biên. Lý thuyết này nhấn mạnh vai trò của chính sách khu vực, như trong ASEAN, để

tạo dòng chảy thông tin du lịch và tăng cường liên kết kinh tế¹⁷.

Yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành DLBG ở Việt Nam bao gồm địa lý tự nhiên và vị trí chiến lược, mối quan hệ chính trị - ngoại giao giữa các quốc gia láng giềng, kinh tế biên mậu và hạ tầng giao thông, giao lưu tộc người, văn hóa dân gian vùng biên. Bốn yếu tố này được thể hiện qua Hình 1.

(1) *Địa lý tự nhiên* đóng vai trò nền tảng, với các đặc trưng như sông núi, bờ biển và địa hình đa dạng tạo nên cảnh quan hấp dẫn cho du lịch sinh thái và phiêu lưu. Tại Việt Nam, biên giới đất liền dài hơn 4.500km với Trung Quốc, Lào và Campuchia, cung cấp vị trí chiến lược làm cửa ngõ thương mại và du lịch khu vực, bao gồm 23 cửa khẩu quốc tế, 27 cửa khẩu chính, 65 cửa khẩu phụ và nhiều lối mòn; 28 khu kinh tế cửa khẩu tại 21/25 tỉnh biên giới và 285 chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu (biên giới với Trung Quốc có 92 chợ, biên giới với Lào có 53 chợ, biên giới với Campuchia có 140 chợ)¹⁸. Điển hình như An Giang giáp Campuchia, địa lý sông nước Mekong và vị trí gần các trung tâm như Thành phố Hồ Chí Minh (190km) hỗ trợ hình thành các tuyến du lịch liên kết, với hệ thống đường bộ và thủy bộ thuận lợi. Tuy nhiên, địa hình đồi núi ở biên giới Việt - Trung có thể tạo thách thức về tiếp cận nhưng cũng là yếu tố độc đáo cho du lịch mạo hiểm¹⁹.

(2) *Mối quan hệ chính trị - ngoại giao* là yếu tố quyết định, vì quan hệ ổn định thúc đẩy các hiệp định hợp tác, như Thỏa thuận Hợp tác Du lịch 2010-2013 giữa Việt Nam và Trung Quốc, cho phép di chuyển qua 07 cặp cửa khẩu như Móng Cái - Đồng Hới hay Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan. Ngược lại, căng thẳng, tranh chấp Biển Đông có thể hạn chế dòng du khách, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững.

(3) *Kinh tế biên mậu và hạ tầng giao thông* hỗ trợ dòng chảy du lịch, với các khu kinh tế biên giới như Móng Cái (Quảng Ninh) hay Lào Cai. Tính riêng Móng Cái, năm 2024, tổng số khách du lịch đến thành phố đạt hơn 04 triệu lượt, doanh thu du lịch vượt 8.000 tỷ đồng. Thành phố đã thu hút lượng lớn du khách từ thị trường Trung Quốc đến tham quan và trải nghiệm. Hạ tầng như đường cao tốc, cầu biên giới và chương trình xe tự lái (thử nghiệm có kiểm soát từ năm 2016) giữa Móng Cái - Đồng Hới thúc đẩy du lịch ngắn ngày, nhưng thiếu đồng bộ có thể gây ùn tắc thủ tục hải quan²⁰.

(4) *Giao lưu tộc người và văn hóa dân gian* là sức hút cốt lõi, với các cộng đồng thiểu số như Khmer, Chăm ở An Giang hay các dân tộc ở biên giới Việt - Trung tham gia vào du lịch cộng đồng, lễ hội như Lễ hội Biên giới Việt - Trung²¹.

Các yếu tố này tạo sự khác biệt văn hóa - xã hội, nhưng cần quản lý để tránh thương mại hóa quá mức, đảm bảo lợi ích cho cư dân biên giới và bảo tồn di sản. Các yếu tố này tương tác lẫn nhau, đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện để phát triển DLBG bền vững tại Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo được thực hiện trên cơ sở vận dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu là: phương pháp tiếp cận liên ngành, phương pháp phân tích - tổng hợp, nhằm tiếp cận DLBG như một hiện tượng kinh tế - xã hội phức hợp, gắn với không gian biên giới, lịch sử phát triển và bối cảnh hội nhập khu vực. Phương pháp tiếp cận liên ngành được sử dụng nhằm khắc phục hạn chế của cách tiếp cận đơn ngành trong nghiên cứu du lịch. DLBG không chỉ là hoạt động kinh tế mà còn chịu tác động sâu sắc của các yếu tố lịch sử, địa lý, chính trị, văn hóa và quan hệ quốc tế. Do đó, bài báo kết hợp các tiếp cận của du lịch học để phân tích loại hình, sản phẩm và dòng khách; lịch sử học để làm rõ tiến trình phát triển DLBG; địa lý kinh tế và nghiên cứu biên giới (borderland studies) để lý giải vai trò của không gian biên; đồng thời vận dụng góc nhìn của nghiên cứu khu vực và quan hệ quốc tế để phân tích tác động của quan hệ chính trị - ngoại giao, các cơ chế hợp tác song phương và đa phương đối với sự phát triển của DLBG. Cách tiếp cận liên ngành cho phép bài báo nhận diện DLBG như một quá trình động, chịu sự chi phối đồng thời của nhiều cấp độ và chủ thể khác nhau.

Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng nhằm xử lý và hệ thống hóa tài liệu thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau. Thông qua phân tích, bài báo làm rõ các khái niệm, đặc trưng và yếu tố tác động đến sự phát triển của DLBG ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, phương pháp tổng hợp được vận dụng để khái quát thành các đặc điểm nổi bật của DLBG Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, bài báo còn sử dụng phân tích các trường hợp điển hình như Móng Cái, Lào Cai, Cao Bằng, An Giang và Bờ Y nhằm minh họa cho các luận điểm lý luận và làm rõ tính đa dạng trong thực tiễn phát triển DLBG ở Việt Nam. Sự kết hợp các phương pháp trên giúp nghiên cứu đạt được tính hệ thống, logic và có cơ sở khoa học trong việc rút ra các nhận định và đề xuất giải pháp mang tính định hướng phát triển.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Sự phát triển của du lịch biên giới ở Việt Nam

DLBG ở Việt Nam dần định hình từ thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, chịu ảnh hưởng lớn từ biến động



chính trị và mở cửa kinh tế. Trong thế kỷ XX, các cuộc chiến tranh như Chiến tranh Đông Dương (1945-1954) và Chiến tranh Việt Nam (1955-1975) đã làm gián đoạn các hoạt động biên giới, biến chúng thành khu vực xung đột thay vì trao đổi. Tuy nhiên, sau thống nhất đất nước năm 1975 và đặc biệt là từ Đổi mới năm 1986, Việt Nam bắt đầu mở cửa biên giới, thúc đẩy kinh tế biên mậu và du lịch. Sau khi bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc năm 1991, biên giới Việt - Trung chứng kiến sự bùng nổ thương mại²² cùng với sự xuất hiện của các “điểm DLBG”. Các địa điểm như Móng Cái (Quảng Ninh, giáp Đông Hưng - Trung Quốc), Lào Cai (giáp Hà Khẩu - Trung Quốc) và Bờ Y (Quảng Ngãi, giáp Lào - Campuchia) trở thành trung tâm DLBG. Tại Móng Cái, chợ biên giới thu hút hàng nghìn du khách hằng ngày để mua sắm và trải nghiệm văn hóa²³. Lào Cai với chợ Cốc Lếu và cầu biên giới đã phát triển du lịch mua sắm và sinh thái, kết hợp với di sản Sa Pa. Ở biên giới Việt - Lào - Campuchia, Bờ Y^a trở thành điểm nổi cho du lịch khám phá rừng quốc gia. Những điểm này thúc đẩy kinh tế địa phương, giảm nghèo ở vùng biên. Chính sách song phương và hiệp định hợp tác du lịch giữa các quốc gia láng giềng được củng cố. Việt Nam ký các thỏa thuận với Lào (Hiệp định về quy chế

biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Lào năm 1990), với Campuchia (Hiệp định kinh tế - thương mại năm 1994), và với Trung Quốc (Hiệp ước biên giới trên đất liền năm 1999). Những hiệp định này cho phép visa biên giới đặc biệt, thúc đẩy du lịch ngắn ngày. Đây là thời kỳ chuyển biến từ giao thương truyền thống sang du lịch hiện đại.

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, DLBG ở Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển và hội nhập khu vực. Các cơ chế hợp tác như ASEAN, GMS, CLMV và ACMECS đóng vai trò nổi bật. Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 đã mở ra cơ hội hội nhập. Kế hoạch Chiến lược Du lịch ASEAN 2016-2025 nhấn mạnh du lịch bền vững và liên kết biên giới. GMS, do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hỗ trợ, tập trung vào phát triển hạ tầng biên giới. Chiến lược Du lịch GMS 2030 thúc đẩy du lịch xuyên biên giới giữa Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan. Việt Nam đã ký kết Hiệp định miễn thị thực với 53 nước trên thế giới và đơn phương miễn thị thực cho các nước Bắc Âu (Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển), Hàn Quốc, Nhật Bản và Nga nhằm thu hút khách du lịch vào Việt Nam. Điều này chứng tỏ Việt Nam đã và đang mở rộng mối quan hệ đối ngoại với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới”. Tính đến năm 2021, bộ đội biên phòng được giao nhiệm vụ quản lý, kiểm soát 123 cửa khẩu đường bộ, đường sắt (trong đó có 21 cửa khẩu quốc tế, 17 cửa khẩu chính, 85 cửa khẩu phụ) trên biên giới đất liền, tạo điều kiện cho người, phương tiện, hàng hóa lưu thông qua biên giới nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội và phát triển du lịch của đất nước²⁴.

Các điểm DLBG tiêu biểu của Việt Nam trải dài trên đường biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc, Việt

^aNằm ở độ cao hơn 1.000m so với mực nước biển, khu vực Bờ Y (tỉnh Quảng Ngãi) nổi bật với “Ngã ba Đông Dương” - nơi tiếp giáp lãnh thổ Việt Nam, Lào và Campuchia. Nhờ vị trí địa lý đặc biệt cùng cảnh quan núi rừng hùng vĩ, nơi đây trở thành điểm tham quan giàu giá trị về lịch sử, văn hóa và ý nghĩa ngoại giao giữa ba quốc gia. Điểm nhấn của khu du lịch là cột mốc biên giới ba nước, được xây dựng giai đoạn 2007-2008 dưới sự phối hợp và giám sát của các chuyên gia Việt Nam, Lào và Campuchia. Công trình có hình trụ tam giác, cao 2m, làm bằng đá hoa cương, trên mỗi mặt khắc quốc huy và tên quốc gia, thể hiện rõ tinh thần đoàn kết, hữu nghị và chủ quyền lãnh thổ của ba nước.

Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia), nổi bật với cảnh quan hùng vĩ, cột mốc chủ quyền thiêng liêng và văn hóa bản địa đặc sắc. Có thể điểm qua 10 điểm DLBG tiêu biểu như sau (xem Bảng 1).

Hoạt động DLBG có những bước phát triển mạnh mẽ, lưu lượng khách du lịch người nước ngoài đến Việt Nam ngày càng tăng. Nếu như trước đây, khách du lịch xuất nhập cảnh qua các cửa khẩu đường bộ của Việt Nam với số lượng còn khiêm tốn, thì hiện nay hàng năm các cửa khẩu đường bộ của Việt Nam đã đón hàng triệu lượt khách gồm đủ các thành phần và quốc tịch trên thế giới đến tham quan, du lịch. Lưu lượng khách du lịch các nước trên thế giới nhập xuất cảnh qua các cửa khẩu đường bộ trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến tháng 9 năm 2009 là 4.232.200 lượt hành khách²⁴. Điều này phản ánh sự bùng nổ trong giai đoạn đầu hội nhập, khi Việt Nam đang tích cực mở cửa biên giới và ký kết các hiệp định hợp tác khu vực. Số liệu này đánh dấu sự chuyển tiếp từ quy mô nhỏ lẻ sang tăng trưởng quy mô lớn, với lượng khách quốc tế. Tiềm năng du lịch của các tỉnh biên giới là khá lớn. Quảng Ninh, Lào Cai, Lạng Sơn ở phía Bắc; Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng ở miền Trung; Tây Ninh, An Giang ở phía Nam, v.v. đã có những bước phát triển nhất định, còn du lịch của các tỉnh biên giới nhìn chung đều chưa thực sự có được những chuyển biến mạnh mẽ. Lượng khách đến có tăng nhưng còn thấp²⁵. Tỷ lệ lượt khách đến từ ba nước giáp biên giới của Việt Nam so với tổng lượt khách châu Á tăng chậm, từ 30% năm 2008 (Trung Quốc 26%, Lào 1%, Campuchia 3%) lên 37% (Trung Quốc 32%, Lào 1%, Campuchia 4%) (xem thêm Hình 2).

Các dự án và mô hình điển hình bao gồm EWEC và CLV. EWEC, khởi động năm 1998, kết nối Đà Nẵng (Việt Nam) với Savannakhet (Lào) và Mukdahan (Thái Lan), phát triển DLBG với các điểm dừng như cửa khẩu Lao Bảo. CLV, thành lập năm 1999, tập trung vào 13 tỉnh biên giới, điển hình dự án du lịch cộng đồng ở Quảng Ngãi (Việt Nam) - Attapeu (Lào) - Ratanakiri (Campuchia)^b. Các tuyến như “Một hành trình - Hai quốc gia” giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được phát triển, kết hợp du lịch sinh thái và văn hóa. Liên kết hạ tầng bao gồm đường cao tốc, cầu biên giới và visa du lịch chung ASEAN, như chương trình visa đơn nhất cho du khách nước ngoài. Đến năm 2025, các dự án này tiếp tục mở rộng với công nghệ số: ứng

dụng quản lý cửa khẩu, giúp phục hồi sau COVID-19. Nhìn chung, DLBG là động lực hội nhập nhưng đòi hỏi quản lý rủi ro như dịch bệnh, tội phạm và buôn lậu để đảm bảo bền vững.

Đặc điểm của du lịch biên giới ở Việt Nam hiện nay

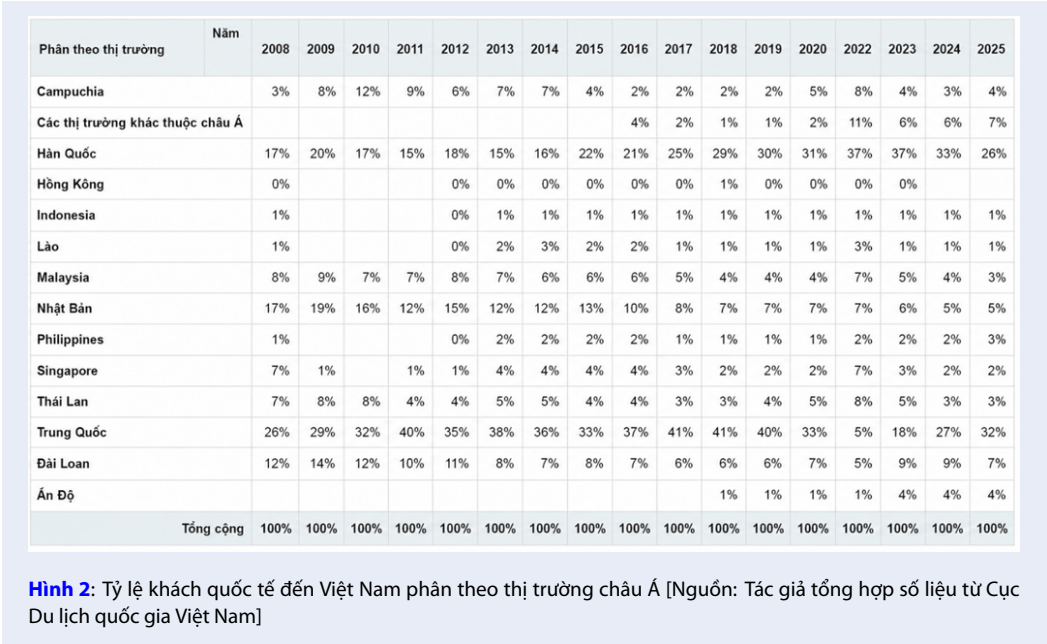
DLBG ở Việt Nam hiện nay đang phát triển mạnh mẽ, trở thành một loại hình du lịch đặc thù kết hợp giữa yếu tố kinh tế, văn hóa và chính trị. DLBG không chỉ thúc đẩy trao đổi kinh tế mà còn góp phần củng cố quan hệ láng giềng và phát triển bền vững vùng biên. DLBG đã đóng góp đáng kể vào GDP địa phương, với doanh thu từ các hoạt động biên mậu và dịch vụ du lịch đạt hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm ở các tỉnh biên giới như Quảng Ninh, Lạng Sơn hay Quảng Ngãi. Trong xu thế khu vực hóa, hội nhập khu vực ASEAN, có thể điểm qua các đặc điểm chính của DLBG hiện đại Việt Nam như sau:

DLBG hiện đại ở Việt Nam mang tính liên quốc gia cao, phụ thuộc chặt chẽ vào mối quan hệ chính trị - ngoại giao giữa các quốc gia láng giềng. Không gian hoạt động chủ yếu tập trung tại các cửa khẩu và khu vực biên giới, nơi du khách có thể dễ dàng di chuyển giữa hai hoặc nhiều quốc gia mà không cần thủ tục phức tạp như du lịch quốc tế thông thường. Việc ứng dụng các nền tảng số: hệ thống kiểm soát xuất nhập cảnh tự động, nhận diện sinh trắc học, khai báo điện tử và chia sẻ dữ liệu liên thông giúp rút ngắn thời gian làm thủ tục, giảm ùn tắc và hạn chế sai sót. Bên cạnh đó, công nghệ số hỗ trợ cơ quan quản lý theo dõi lưu lượng khách theo thời gian thực, từ đó điều tiết hợp lý và bảo đảm an ninh, an toàn. Nhờ vậy, trải nghiệm của du khách được cải thiện rõ rệt, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững. Tại cửa khẩu Móng Cái (Quảng Ninh) giáp Đông Hưng (Trung Quốc), du khách có thể tham gia các tour “hai quốc gia, một điểm đến” với visa biên giới đặc biệt, cho phép lưu trú ngắn ngày để mua sắm và khám phá văn hóa. Tính liên quốc gia này được thể hiện rõ nét qua các hiệp định song phương, ký “Thỏa thuận hợp tác du lịch giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam và Cục Du lịch Quốc gia Trung Quốc giai đoạn 2010-2013”, giúp tăng lượng du khách biên giới lên hàng triệu lượt mỗi năm²⁶. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào ngoại giao cũng là điểm yếu, vì các căng thẳng chính trị, như tranh chấp Biển Đông, có thể làm gián đoạn dòng du khách, dẫn đến thiệt hại kinh tế cho các địa phương biên giới. Tại biên giới Việt - Lào - Campuchia, tính liên quốc gia thể hiện qua các cơ chế hợp tác đa phương, tập trung vào 13 tỉnh biên giới, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại,

^bTại Việt Nam, năm tỉnh thuộc Khu tam giác phát triển gồm Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Ngãi và Đồng Nai đã thu hút 521 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký vượt 6 tỷ USD. Trong số này, Đồng Nai là địa phương có quy mô thu hút FDI lớn nhất, với 455 dự án còn hiệu lực và tổng vốn đăng ký đạt khoảng 4,7 tỷ USD. Đây cũng là tỉnh duy nhất tiếp nhận hai dự án đầu tư của doanh nghiệp Campuchia tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

Bảng 1: Các điểm DLBG tiêu biểu ở Việt Nam [Nguồn: Tác giả]

T.T	Địa danh/ Điểm đến	Vị trí biên giới	Đặc điểm nổi bật
1	Cột cờ Lũng Cú	Tuyên Quang (Việt - Trung)	Điểm cực Bắc, biểu tượng thiêng liêng
2	Thác Bản Giốc	Cao Bằng (Việt - Trung)	Thác nước biên giới lớn nhất Đông Nam Á
3		Tuyên Quang (Việt - Trung)	Một trong tứ đại đỉnh đèo, cảnh quan hùng vĩ
4	Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị	Lạng Sơn (Việt - Trung)	Cửa khẩu lịch sử, giao thương quan trọng
5	Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo	Quảng Trị (Việt - Lào)	Trung tâm thương mại lớn, điểm du lịch qua Lào
6	Cửa khẩu Bờ Y	Quảng Ngãi (Việt - Lào Campuchia)	Nơi “một tiếng gà gáy ba nước cùng nghe”
7	Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài	Tây Ninh (Việt - Campuchia)	Cửa khẩu lớn nhất phía Nam qua Campuchia
8	Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát	Tây Ninh (Việt - Campuchia)	Hệ sinh thái biên giới, căn cứ cách mạng
9	Khu di tích Núi Bà Đen	Tây Ninh (Gần biên giới)	Danh thắng tâm linh, núi cao nhất Nam Bộ
10	Cửa khẩu Quốc tế Hà Tiên	An Giang (Việt - Campuchia)	Điểm du lịch kết nối biển đảo Kiên Giang - Campuchia



du lịch và an ninh. Tam giác phát triển CLV thể hiện tính liên quốc gia bằng cách biến biên giới thành cầu nối văn hóa qua lễ hội chung, xây dựng lòng tin và hỗ trợ an ninh biên giới.

Đoạn sông biên giới Việt Nam - Campuchia được xem là khu vực rộng và sâu nhất trên dòng Mekong, đủ điều kiện cho các tàu du lịch cỡ lớn, sức chở từ 100 đến 250 hành khách, lưu thông qua khu vực cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương (An Giang) và cửa khẩu quốc tế

Thường Phước (Đồng Tháp). Các tàu này có thể thực hiện hành trình ngược dòng đến Thủ đô Phnom Penh, sau đó kết nối với hệ thống tàu nhỏ để tiếp tục đưa du khách đến nhiều địa phương khác của Campuchia. Ở chiều ngược lại, khi các tàu du lịch lớn xuôi dòng trở về Việt Nam, tuyến vận tải này tạo điều kiện đón một lượng đáng kể du khách quốc tế, chủ yếu đến từ châu Âu, Bắc Mỹ và Australia, những đối tượng thường nhập cảnh Campuchia bằng đường hàng không hoặc

di chuyển đường bộ từ Thái Lan và Lào trước khi tiếp tục hành trình tham quan tại Việt Nam. Tuyến du lịch đường sông xuyên biên giới trên sông Mekong mang ý nghĩa kinh tế, văn hóa và đối ngoại rõ nét. Không gian sông nước đặc thù giúp du khách trải nghiệm cảnh quan tự nhiên độc đáo của dòng Mekong, góp phần tăng cường giao lưu nhân dân, củng cố tình hữu nghị giữa Việt Nam và Campuchia - hai quốc gia có chung đường biên giới và cùng chia sẻ dòng chảy Mekong. Theo ông Phan Xuân Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Du Ngoạn Việt, Thành phố Hồ Chí Minh: “Tuyến du lịch xuyên biên giới qua đường sông Mekong ở nước ta là duy nhất, không phải quốc gia nào cũng có. Bao nhiêu chiếc du thuyền sông hạng sang thế giới như Aqua Cruises, Margarete, Pandor hay của Việt Nam như Mekong Princess, Lan Diệp, v.v. có giá cao nhất ngưỡng trên 2.000USD/đêm, đều chọn lộ trình này để khai thác du lịch hằng năm”²⁷.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế biên mậu và dịch vụ du lịch, tạo nên mô hình kinh tế lai độc đáo. Tại các chợ biên giới như Tân Thanh (Lạng Sơn) hay Lao Bảo (Quảng Trị), du lịch không chỉ dừng ở tham quan mà còn tích hợp mua sắm biên mậu, với hàng hóa đa dạng từ hàng tiêu dùng đến sản phẩm địa phương. Từ tháng 9/2023, Ủy ban Điều phối tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Ủy ban Điều phối Quảng Tây (Trung Quốc) tổ chức vận hành thí điểm cho du khách hai bên qua lại tham quan Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Qua tìm hiểu thực tế về tour du lịch tham quan Khu cảnh quan thác Bản Giốc - Đức Thiên theo tuyến từ Cao Bằng sang Trung Quốc, nhiều du khách đánh giá cao quy trình xuất cảnh được tổ chức nhanh gọn, thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn và sử dụng dịch vụ du lịch theo hình thức tour gia đình. Phía Trung Quốc đầu tư đa dạng các chương trình biểu diễn phục vụ khách tham quan, hệ thống quầy hàng lưu niệm phong phú, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm và mua sắm của du khách. Bên cạnh đó, ẩm thực địa phương được nhận xét là hấp dẫn, đa dạng, không gian sinh hoạt văn hóa giữa du khách và người dân bản địa diễn ra sôi nổi với các hoạt động giao lưu, hát đối mang tính cộng đồng cao²⁸.

Trong bối cảnh tỉnh Cao Bằng chính thức mở cửa tuyến du lịch kết nối với Trung Quốc, nhiều du khách bày tỏ mong muốn tiếp tục quay trở lại Khu cảnh quan trong tương lai. Những đánh giá tích cực này phản ánh cảm nhận chung của đông đảo khách tham quan, qua đó cho thấy sự hài lòng của du khách chính là mục tiêu trọng tâm mà ngành du lịch tỉnh Cao Bằng đang hướng tới trong quá trình phát triển DLBG. Sau 06 tháng triển khai vận hành thí điểm cho du khách qua lại Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức

Thiên (Trung Quốc), Khu cảnh quan đã đón gần 6.000 lượt du khách, trong đó du khách từ Trung Quốc sang Việt Nam tham quan chiếm khoảng 40%²⁹. Những con số này phản ánh sức hút ngày càng gia tăng của mô hình hợp tác du lịch qua biên giới cũng như tiềm năng phát triển bền vững của Khu cảnh quan trong thời gian tới.

Ở Quảng Ninh, thành phố Móng Cái đã “đánh thức” tiềm năng DLBG bằng cách phát triển sản phẩm bền vững, kết hợp biển đảo và biên mậu. Thành phố tập trung triển khai sản phẩm DLBG gắn với thực hiện hiệu quả phương án cho khách du lịch nội địa tham quan Cửa khẩu quốc tế Móng Cái (khách không cần thủ tục xuất nhập cảnh) và phát huy hiệu quả hoạt động di tích Nhà lưu niệm Bác Hồ tại Cửa khẩu quốc tế Móng Cái; các Cột mốc 1369 (Cửa khẩu quốc tế Móng Cái, Trần Phú), 1378 (Trà Cổ), 1367 - 1368 (Ka Long), 1347 (Hải Sơn); xây dựng và triển khai hoạt động vườn sinh thái Hồng Vân. Tại Hội chợ thương mại DLBG Trung - Việt năm 2022, thành phố phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, các hoạt động hội đàm, xúc tiến phát triển tuyến du lịch “2 quốc gia - 5 thành phố”: Hạ Long - Móng Cái (Việt Nam) - Đồng Hới - Quế Lâm - Mãn Châu Lý (Trung Quốc) với thành phố Đồng Hới và Khu Phòng Thành (Trung Quốc). Ngày 30/12/2024, đoàn đại biểu thành phố Móng Cái đã tiến hành hội đàm, trao đổi công tác với đoàn đại biểu thành phố Đồng Hới (Trung Quốc) về vấn đề hợp tác DLBG³⁰.

Vai trò của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp địa phương là đặc điểm cốt lõi, thể hiện tính cộng đồng và bền vững của DLBG. Cư dân biên giới, thường là các dân tộc thiểu số như: Tày, Nùng hay Khmer, tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch, từ homestay đến hướng dẫn viên địa phương. “Bảo tồn văn hóa gắn với cộng đồng, tạo sinh kế cho người dân. Đó là cách bảo tồn sống, bảo tồn động, dựa trên điểm mấu chốt quan trọng là gắn với sinh kế của người dân, lấy văn hóa của các tộc người để phát triển. Việc bảo tồn gắn với sinh kế, sinh nhai đòi hỏi sự tham dự của các cộng đồng”³⁰.

Tại các khu vực biên giới, cộng đồng dân tộc thiểu số đóng vai trò trung tâm trong việc phát triển du lịch cộng đồng (Community-Based Tourism - CBT), giúp du khách trải nghiệm chân thực cuộc sống địa phương. Ở Bình Liêu (Quảng Ninh)^c, cộng đồng

^cNằm ở khu vực miền núi phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh, khu vực Bình Liêu là địa bàn giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc với chiều dài đường biên khoảng 43km, cách trung tâm du lịch Hạ Long hơn 100km. Khu vực này được thiên nhiên ưu đãi với khí hậu ôn hòa, không gian sinh thái trong lành và cảnh quan núi cao đặc trưng, nổi bật là hệ thống thác nước, ruộng bậc thang và các vùng sinh thái rừng phong phú. Bên cạnh giá trị tự nhiên, Bình Liêu còn là không gian văn hóa đặc sắc khi phần lớn cư dân là đồng bào dân tộc thiểu

người Sán Chỉ đã biến làng văn hóa thành điểm đến hấp dẫn với các hoạt động như: dệt thổ cẩm, hát then và lễ hội Soọng Cô, thu hút hàng nghìn du khách hằng năm³¹. Tương tự, ở Lào Cai, cộng đồng người Tày và Nùng tại các xã biên giới như Bản Phiệt hay Y Tý đã phát triển homestay kết hợp với tour trekking, nơi du khách học cách làm ruộng bậc thang và tham gia lễ hội dân gian, góp phần bảo tồn di sản UNESCO như Ruộng bậc thang Sa Pa.

Doanh nghiệp địa phương, thường là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đóng góp quan trọng bằng cách đầu tư vào hạ tầng và liên kết với cộng đồng. Ở Lào Cai, các công ty như Vietravel hay địa phương đã hợp tác với cư dân để xây dựng tour văn hóa biên giới, kết nối với Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu, mang lại doanh thu hàng triệu USD mỗi năm. Sự tham gia của doanh nghiệp địa phương giúp giảm nghèo ở vùng biên, với tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 25% năm 2015 xuống còn 10% năm 2023 tại các khu vực phát triển CBT³².

Khuyến nghị định hướng phát triển du lịch biên giới ở Việt Nam

DLBG ở Việt Nam là một loại hình du lịch đặc thù, tận dụng lợi thế vị trí địa lý giáp ranh với các quốc gia láng giềng như Lào, Campuchia và Trung Quốc. Để phát triển bền vững, Việt Nam cần triển khai các giải pháp đồng bộ, tập trung vào hợp tác quốc tế, cải thiện hạ tầng, đa dạng hóa sản phẩm, đào tạo nhân lực và đảm bảo tính bền vững. Bài viết đề xuất những giải pháp mang tính định hướng như sau:

Thứ nhất, tăng cường hợp tác liên vùng, mở rộng hợp tác quốc tế trong phát triển DLBG. Hợp tác quốc tế giữ vai trò then chốt trong quá trình hình thành và phát triển DLBG, bởi loại hình du lịch này phụ thuộc trực tiếp vào mức độ ổn định chính trị, khung pháp lý song phương và khả năng điều phối giữa các chủ thể liên quan ở hai bên biên giới. Việc mở rộng các thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia láng giềng tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển các mô hình du lịch xuyên biên giới. Tại biên giới Việt - Trung, các địa phương cần mở rộng mô hình du lịch xuyên biên giới như tại Cao Bằng - Quảng Tây, nơi đã triển khai thành công các tour liên quốc gia³³. Các tỉnh biên giới nên tổ chức hội đàm định kỳ để thống nhất sản phẩm du lịch, trao đổi thông tin và giải quyết vấn đề phát sinh kịp thời³⁴. Điều này không chỉ thúc đẩy du lịch mà còn góp phần xây dựng biên

số, tạo nền tảng cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa thông qua mô hình làng văn hóa và du lịch cộng đồng. Sự kết hợp giữa cảnh quan tự nhiên và di sản văn hóa đã và đang định hình Bình Liêu như một điểm đến tiềm năng trong phát triển du lịch sinh thái và du lịch văn hóa vùng biên giới.

giới hòa bình, ổn định và hợp tác. Với biên giới Việt - Lào, Việt Nam cần liên kết phát triển du lịch nhằm nâng cao đời sống cộng đồng dân tộc thiểu số khu vực biên giới phía Bắc. Các giải pháp bao gồm xây dựng tour tuyến liên vùng, kết nối các điểm du lịch văn hóa và sinh thái³⁵. Với Campuchia, Việt Nam cần tập trung vào du lịch mua sắm và sông nước, khuyến khích các doanh nghiệp lữ hành xây dựng sản phẩm chung. Chính phủ Việt Nam nên đề xuất chính sách ưu đãi cho đầu tư xuyên biên giới như: phát triển chợ biên giới kết hợp du lịch, tạo sản phẩm đặc sắc và tăng thu nhập cho cư dân biên giới.

Để thực hiện, Chính phủ Việt Nam cần thành lập các nhóm công tác liên ngành giữa các tỉnh biên giới và các địa phương nước láng giềng. Các hoạt động bao gồm: tổ chức các hội nghị hợp tác DLBG hằng năm, chia sẻ kinh nghiệm quản lý và quảng bá. Điều này sẽ giúp mở rộng thị trường, thu hút khách từ các nước lân cận và xa hơn, như châu Âu hay Mỹ, thông qua các tour kết nối khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cần tích hợp DLBG vào các thỏa thuận kinh tế khu vực như ASEAN, CPTPP để tận dụng lợi thế hội nhập.

Thứ hai, đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ tại khu vực biên giới. Cơ sở hạ tầng được xem là nền tảng vật chất quyết định khả năng tiếp cận và chất lượng trải nghiệm của du khách tại khu vực biên giới. Trên thực tế, nhiều tuyến giao thông kết nối tới cửa khẩu vẫn còn hạn chế về năng lực khai thác, tiềm ẩn rủi ro mất an toàn và làm giảm sức hấp dẫn của điểm đến. Do đó, Nhà nước cần đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông, từ trục đường chính đến các tuyến kết nối cửa khẩu quốc tế như Hữu Nghị (Lạng Sơn) hay Lao Bảo (Quảng Trị), vốn có ý nghĩa then chốt trong việc cải thiện khả năng tiếp cận của DLBG. Việc hiện đại hóa cơ sở vật chất tại cửa khẩu, thông qua ứng dụng công nghệ số trong quản lý và kiểm soát xuất nhập cảnh, góp phần rút ngắn thời gian làm thủ tục và nâng cao trải nghiệm du khách. Các giải pháp như kiểm tra điện tử hoặc visa biên giới được xem là phù hợp trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay²⁵.

Ở khía cạnh lưu trú, sự phát triển của các mô hình homestay và khu nghỉ dưỡng quy mô nhỏ gắn với cộng đồng địa phương, đặc biệt tại các tỉnh miền núi như Hà Giang hay Cao Bằng, tạo điều kiện kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng chi tiêu của du khách. Ngoài ra, dịch vụ logistics biên giới, bao gồm các hình thức vận chuyển xuyên biên giới như du lịch caravan, góp phần kết nối hoạt động du lịch với thương mại biên mậu. Việc bảo đảm các điều kiện về y tế và an ninh tại khu vực biên giới cũng đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của du khách, nhất

là trong bối cảnh hậu COVID-19. Mô hình kết hợp giữa ngân sách nhà nước và đối tác công - tư (PPP), cùng với các chính sách ưu đãi thuế, được xem là giải pháp khả thi nhằm thu hút đầu tư vào hạ tầng DLBG. Việc lồng ghép các yếu tố bền vững, chẳng hạn sử dụng năng lượng tái tạo tại các điểm du lịch, góp phần giảm thiểu tác động môi trường và nâng cao tính dài hạn của hoạt động đầu tư³⁶.

Thứ ba, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm DLBG, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến và quảng bá. Sản phẩm DLBG Việt Nam hiện nay còn tương đối đơn điệu, chủ yếu xoay quanh hoạt động tham quan cửa khẩu. Sự hạn chế này làm giảm khả năng thu hút các nhóm du khách khác nhau và hạn chế mức chi tiêu du lịch. Trong bối cảnh đó, đa dạng hóa sản phẩm DLBG trở thành yêu cầu tất yếu nhằm mở rộng thị trường và nâng cao giá trị gia tăng. Các loại hình du lịch văn hóa và du lịch trải nghiệm đời sống cộng đồng dân tộc thiểu số, thông qua lễ hội biên giới hay làng nghề truyền thống, có tiềm năng trở thành điểm nhấn đặc thù của DLBG³³. Bên cạnh đó, du lịch sinh thái gắn với hệ sinh thái rừng biên giới hoặc các điểm đến tự nhiên xuyên biên giới, tiêu biểu như thác Bản Giốc, góp phần nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến. Mô hình du lịch cộng đồng, nếu được tổ chức hợp lý, không chỉ tạo sinh kế cho người dân địa phương mà còn góp phần bảo vệ môi trường và gìn giữ giá trị văn hóa bản địa³⁷.

Về quảng bá, việc xây dựng chiến lược xúc tiến chung với các quốc gia láng giềng cho phép tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng phạm vi tiếp cận thị trường. Ứng dụng nền tảng số, hội chợ DLBG và các công nghệ mới như VR/AR được xem là công cụ hiệu quả trong việc nâng cao khả năng nhận diện điểm đến³⁸. Trên cơ sở đó, xây dựng thương hiệu DLBG Việt Nam như một “cửa ngõ kết nối khu vực” góp phần định vị rõ nét hơn vị thế của loại hình du lịch này trong không gian du lịch Đông Nam Á.

Thứ tư, chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch, lồng ghép yêu cầu phát triển bền vững trong hoạt động DLBG. Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định hiệu quả khai thác DLBG. Hiện nay, đội ngũ lao động tại khu vực biên giới còn hạn chế về kỹ năng nghề, ngoại ngữ và hiểu biết văn hóa liên quốc gia. Việc tăng cường đào tạo chuyên ngành DLBG, thông qua liên kết giữa cơ sở đào tạo và địa phương, góp phần nâng cao năng lực tham gia của cộng đồng, đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số³⁹. Song song với phát triển nhân lực, yêu cầu bảo đảm tính bền vững ngày càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh áp lực khai thác tài nguyên và nguy cơ thương mại hóa văn hóa. Quy hoạch DLBG cần được xây dựng gắn với bảo tồn di sản văn hóa và sinh thái,

tránh tình trạng khai thác quá mức. Các mô hình du lịch xanh, giảm thiểu rác thải và sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Việc liên kết phát triển du lịch với mục tiêu giảm nghèo và giám sát định kỳ tác động xã hội - môi trường giúp bảo đảm lợi ích lâu dài cho cộng đồng cư dân biên giới.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi cho phát triển DLBG. Chính sách là động lực quan trọng để thúc đẩy DLBG phát triển bền vững. Chính phủ và các cơ quan quản lý cần hoàn thiện hành lang pháp lý thông thoáng, bao gồm các ưu đãi về visa biên giới, đầu tư hạ tầng và thuế cho doanh nghiệp tham gia phát triển du lịch tại khu vực biên giới. Nhà nước cần tích hợp DLBG vào các chiến lược quốc gia, như Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, và các nghị quyết về bảo vệ biên giới quốc gia⁴⁰. Các chính sách này cần được xây dựng dựa trên nguyên tắc nhất quán, phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành và địa phương, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho DLBG phát triển, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng và ổn định biên giới²⁵. Hơn nữa, các cơ quan hoạch định chính sách cần tích hợp yếu tố bền vững vào chính sách như khuyến khích du lịch xanh và bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, để đảm bảo phát triển lâu dài mà không ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.

KẾT LUẬN

DLBG ở Việt Nam đại diện cho một hình thức du lịch đặc thù và đa chiều, hình thành và phát triển tại giao điểm của không gian biên giới địa lý, các mối quan hệ chính trị - ngoại giao, cũng như nhu cầu trao đổi kinh tế và văn hóa giữa các quốc gia láng giềng. DLBG vượt qua các ranh giới truyền thống, biến đổi biên giới quốc gia từ những đường phân cách cứng nhắc mang tính chủ quyền và kiểm soát thành những “cầu nối mềm” năng động, thúc đẩy hợp tác, đối thoại liên văn hóa và hội nhập khu vực.

Các đặc điểm nổi bật của DLBG ở Việt Nam bao gồm tính liên quốc gia rõ nét, cho phép di chuyển xuyên biên giới vượt mà và các trải nghiệm mà không bị ràng buộc bởi các thủ tục du lịch quốc tế thông thường. Điều này thể hiện qua các sáng kiến như tour “hai quốc gia, một điểm đến” tại cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng, nơi các thỏa thuận song phương cho phép miễn thị thực ngắn hạn và thúc đẩy lợi ích kinh tế lẫn nhau. Hơn nữa, sự liên kết chặt chẽ giữa DLBG và thương mại biên mậu tạo nên một mô hình kinh tế lai độc đáo, nơi các chợ biên giới như Tân Thanh (Lạng Sơn) hay Lao Bảo (Quảng Trị) hoạt động như các trung tâm sôi động cho cả thương mại và đảm

chìm văn hóa, tạo ra dòng doanh thu đáng kể cho nền kinh tế địa phương. Vai trò trung tâm của cộng đồng cư dân biên giới - thường bao gồm các dân tộc thiểu số như Tày, Nùng hoặc Khmer - nổi lên như một đặc trưng cốt lõi, với sự tham gia tích cực của họ vào các sáng kiến du lịch dựa trên cộng đồng, đảm bảo tính chân thực và bền vững. Các chương trình homestay và trải nghiệm văn hóa hướng dẫn trao quyền cho dân cư bản địa, bảo tồn di sản vô hình, phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu. Tuy nhiên, DLBG vẫn phụ thuộc bản chất vào môi trường chính trị - ngoại giao ổn định, cùng những biến động trong quan hệ song phương.

Các mô hình tiêu biểu như du lịch thác Bản Giốc - Đức Thiên, tuyến du lịch đường sông Mekong hay các điểm du lịch tại Móng Cái, Lào Cai, Tây Ninh, An Giang cho thấy tiềm năng to lớn của DLBG trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo và củng cố quan hệ láng giềng hữu nghị. DLBG không chỉ là ngành kinh tế mà còn là biểu tượng của hội nhập, đồng thời cảnh báo về nhu cầu quản lý rủi ro để tránh các vấn đề như tội phạm biên giới. Việc phát triển bền vững loại hình này sẽ là chìa khóa cho tương lai biên giới Việt Nam, bởi nếu được quản lý và khai thác hợp lý, DLBG đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng biên giới hòa bình, ổn định và hợp tác lâu dài của Việt Nam trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ đề tài mã số B2025-18b-02.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACMECS (Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong Economic Cooperation Strategy): Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mekong
AR (Augmented Reality): Thực tế tăng cường
ASEAN (Association of Southeast Asian Nations): Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CBT (Community-Based Tourism): Du lịch cộng đồng
CLMV (Cambodia - Laos - Myanmar - Vietnam): Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam
CLV (Cambodia - Laos - Vietnam): Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam
CPTPP (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership): Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
DLBG: Du lịch biên giới
EWEC (East-West Economic Corridor): Hành lang kinh tế Đông - Tây

GDP (Gross Domestic Product): tổng sản phẩm quốc nội

GMS (Greater Mekong Subregion): Tiểu vùng Mekong mở rộng

VR (Virtual Reality): Thực tế ảo

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết này hoàn toàn do tác giả thực hiện độc lập, bao gồm các nội dung sau:

1. Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về DLBG, góp phần bổ sung khung khái niệm cho nghiên cứu loại hình du lịch này ở Việt Nam.
2. Phân tích sự phát triển DLBG ở Việt Nam theo tiến cận tiến trình, tập trung ở thời kỳ hội nhập quốc tế.
3. Khái quát các đặc điểm nổi bật của DLBG Việt Nam hiện nay thông qua phân tích các trường hợp điển hình.
4. Đề xuất một số định hướng và hàm ý chính sách nhằm phát triển DLBG theo hướng bền vững, gắn với phát triển vùng biên và hợp tác khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. del Río JAJ, Agüera FO, Cuadra SM, Morales PC. Satisfaction in border tourism: An analysis with structural equations. *European Research on Management and Business Economics*. 2017;23(2):103–112. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jiedeen.2017.02.001>.
2. Woyo E. *Border tourism*. Edward Elgar Publishing; 2022. Available from: <https://doi.org/10.4337/9781800377486.border.tourism>.
3. ASEAN. *ASEAN Tourism Agreement*; 2002. Available from: <https://asean.org/asean-tourism-agreement/>.
4. Timothy D. Political boundaries and tourism: borders as tourist attractions. *Tourism Management*. 1995;16(7):525–532. Available from: [https://doi.org/10.1016/0261-5177\(95\)00070-5](https://doi.org/10.1016/0261-5177(95)00070-5).
5. Gelbman A, Timothy DJ. Border complexity, tourism and international exclaves: A case study. *Annals of Tourism Research*. 2011;38(1):110–131. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ANNALS.2010.06.002>.
6. Bharadwaj A. Border Tourism and Political Boundaries: An analysis of India-Myanmar borderland. *Himalayan Journal of Humanities and Cultural Studies*. 2021;.
7. Prokkola EK. Cross-border Regionalization and Tourism Development at the Swedish-Finnish Border: "Destination Arctic Circle". *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*. 2007;7(2):120–138. Available from: <https://doi.org/10.1080/15022250701226022>.
8. Molan AS, Farhadi E, Saganeiti L, Murgante B. Border tourism development strategies in Kaleybar compared to regional rivals. *Sustainability*. 2021;13(20):11400. Available from: <https://doi.org/10.3390/SU132011400>.
9. Lahamentu V, Antara IM, Paturusi SA, Wiranatha AAPS. Community Empowerment-Based Border Tourism Development Strategy in Outermost Archipelago of Talaud Islands Regency. *International Journal of Multidisciplinary Research and Analysis*. 2023;6(5):1954–1964. Available from: <https://doi.org/10.47191/IJMRA/V6-I5-16>.

10. Hardi T, Kupi M, Ocskay G, Szemerédi E. Examining cross-border cultural tourism as an indicator of territorial integration across the Slovak–Hungarian border. *Sustainability*. 2021;13(13):7225. Available from: <https://doi.org/10.3390/SU13137225>.
11. DuVal K. *Borderlands*: Oxford Bibliographies Online Research Guide. Oxford: Oxford University Press; 2010.
12. Naples NA. Borderlands studies and border theory: Linking activism and scholarship for social justice. *Sociology Compass*. 2010;4(7):505–518. Available from: <https://doi.org/10.1111/j.1751-9020.2010.00290.x>.
13. Cheung CK, Hu J. Cross-border travel as a function of exchange and ritualistic interaction. *The Social Science Journal*. 2021;62(1):136–151. Available from: <https://doi.org/10.1080/03623319.2021.1899362>.
14. Milne D. Boundaries in the cross-cultural interaction of tourism: A comparative study of early English-language tourism guidebooks on Kyoto. Brill; 2021. Available from: https://doi.org/10.1163/9789004435506_004.
15. et al V. Tourism in the context of contemporary theories of regional development. *Journal of the Geographical Institute Jovan Cvijić SASA*. 2023;73(3):355–370. Available from: <https://doi.org/10.2298/IJGI2303355V>.
16. Ruan WQ, Zhang SN. Can tourism information flow enhance regional tourism economic linkages? *Journal of Hospitality and Tourism Management*. 2021;49:614–623. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jhtm.2021.11.012>.
17. Peyvel E, Lan VSX. Tourism, urbanisation and globalisation in Vietnam. *The Newsletter*. 2016;(73).
18. Cổng Thông tin Điện tử Bộ đội Biên phòng Việt Nam. Thực trạng quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung đường biên giới với Việt Nam; 2021. Available from: <http://bienphongvietnam.gov.vn/thuc-trang-quan-ly-hoat-dong-thuong-mai-bien-gioi-voi-cac-nuoc-co-chung-duong-bien-gioi-voi-viet-nam.html>.
19. To MC, Bui HA. Analysis of conditions promoting tourism development in An Giang province in regional linkages. *European Journal of Social Sciences Studies*. 2024;9(6):176–184. Available from: <https://doi.org/10.46827/ejss.v9i6.1703>.
20. Hoàng G. Du lịch phát triển mạnh mẽ ở vùng biên Móng Cái. *Báo Quảng Ninh điện tử*. 2025; Available from: <https://baoquangninh.vn/mong-cai-dua-du-lich-thanh-nganh-kinh-te-mui-nhon-3338122.htm>.
21. Bui TT. The Current Development of Cross-Border Tourism between Vietnam and China: A Perspective from Vietnam. *Journal of Tourism & Hospitality*. 2022;11(S2):1000003.
22. Nguyễn B, Doãn CK. Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc: một chặng đường nhìn lại. *Tạp chí Cộng sản*. 2008; Available from: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1516/quan-he-thuong-mai-viet-nam---trung-quoc--mot-chang-duong-nhin-lai.aspx>.
23. Gu X, Womack B. Border cooperation between China and Vietnam in the 1990s. *Asian Survey*. 2000;40(6):1042–1058. Available from: <https://doi.org/10.2307/3021222>.
24. Đỗ KP. Bộ đội Biên phòng với phát triển du lịch biên giới trong tình hình mới; 2021. Available from: <http://bienphongvietnam.gov.vn/bo-doi-bien-phong-voi-phat-trien-du-lich-bien-gioi-trong-tinh-hinh-moi.html>.
25. Ngô HC. Phát triển du lịch biên giới là góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng của quốc gia; 2021. Available from: <http://bienphongvietnam.gov.vn/phat-trien-du-lich-bien-gioi-la-gop-phan-bao-dam-an-ninh-quoc-phong-cua-quoc-gia.html>.
26. HCTC. Tăng cường phát triển hợp tác Du lịch Việt Nam-Trung Quốc; 2010. Available from: <https://bvhttdl.gov.vn/tang-cuong-phat-trien-hop-tac-du-lich-viet-namtrung-quoc-1050.htm>.
27. Lê G. Phát huy đặc trưng văn hóa vùng, miền khi làm du lịch; 2024. Available from: <https://www.bienphong.com.vn/phat-huy-dac-trung-van-hoa-vung-mien-khi-lam-du-lich-post473692.html>.
28. Vũ T. Cao Bằng: Thúc đẩy du lịch biên giới phát triển; 2024. Available from: <https://vietnamtourism.gov.vn/post/59256>.
29. Anh T, Hằng T. Gần 6.000 lượt khách qua lại thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc); 2024. Available from: <https://vov.vn/du-lich/gan-6000-luat-khach-qua-lai-thac-ban-gioc-viet-nam-duc-thien-trung-quoc-post1084298.vov>.
30. Nhân Dân. Bảo tồn văn hóa gắn với sinh kế của đồng bào; 2013. Available from: <https://nhandan.vn/bao-ton-van-hoa-gan-voi-sinh-ke-cua-dong-bao-2013>.
31. Quang Ninh News. Community-based tourism development in Bình Liêu, Quang Ninh Province; 2021. Available from: <https://vietnamtourism.gov.vn/en/post/15988>.
32. Phương TD, Vũ TBP, Nguyễn TKT. Community-based tourism for sustainable development of ethnic minority communities in Sapa. In: *Proceedings of the International Conference on Multidisciplinary Research (ICMR12)*; 2024. p. 297–305.
33. Trương Q. Hợp tác du lịch liên quốc gia, thúc đẩy phát triển du lịch biên giới xanh, bền vững; 2025. Available from: <https://baocaobang.vn/hop-tac-du-lich-lien-quoc-gia-thuc-day-phat-trien-du-lich-bien-gioi-xanh-ben-vung-3182498.html>.
34. Nguyễn H. Thúc đẩy hợp tác biên giới Việt Nam – Trung Quốc và triển khai mô hình du lịch qua biên giới; 2025. Available from: <https://baophapluat.vn/thuc-day-hop-tac-bien-gioi-viet-nam-trung-quoc-va-trien-khai-mo-hinh-du-lich-qua-bien-gioi.html>.
35. Bùi TL, Vũ VA, Phí HC. Giải pháp liên kết phát triển du lịch biên giới Việt - Lào nhằm nâng cao mức sống cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực biên giới phía Bắc. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*. 2022;11(3):21–25.
36. Vũ Q. Cải cách thể chế, chính sách quản lý và phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam trong tình hình mới; 2025. Available from: <https://danchuphapluat.vn/cai-cach-the-che-chinh-sach-quan-ly-va-phat-trien-du-lich-ben-vung-o-viet-nam-trong-tinh-hinh-moi-6465.html>.
37. Anh D, Minh C. Phát triển du lịch vùng biên giới: Gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa các DTTS (Bài 2); 2023. Available from: <https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/phat-trien-du-lich-vung-bien-gioi-gan-voi-bao-ton-cac-gia-tri-van-hoa-cac-dtts-bai-2-1703575725477.htm>.
38. Nguyễn LDP, Kinh tế & Dự báo. Giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch quốc tế tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập; 2022. Available from: <https://kinhtevdubao.vn/giai-phap-day-manh-phat-trien-du-lich-quoc-te-tai-viet-nam-trong-boi-can-hoi-nhap-31866.html>.
39. Đình Thuật Võ, Kinh tế và Dự báo. Giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch của Việt Nam; 2025. Available from: <https://kinhtevdubao.vn/giai-phap-day-manh-phat-trien-du-lich-cua-viet-nam-31076.html>.
40. Thanh H, Báo Quân đội Nhân dân. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cho khu vực biên giới; 2024. Available from: <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/chinh-sach/nghien-cuu-ban-hanh-co-che-chinh-sach-dac-thu-cho-khu-vuc-bien-gioi-770462>.

Border Tourism in Vietnam: Characteristics and Development Orientations in the Era of International Integration

Nguyen Thi Hong Nhung*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Border tourism is a distinctive form of tourism that emerges and develops within national border spaces, where multidimensional interactions in economic, cultural, social, and political spheres take place among neighboring countries. In the context of deepening globalization and regional integration, border tourism not only contributes to the exploitation of tourism potential in border areas but also plays an important role in promoting socio-economic development, enhancing people-to-people exchanges, and strengthening external relations. Vietnam, with its long land borders adjoining China, Laos, and Cambodia, possesses favorable conditions for the development of this type of tourism.

This article clarifies the concept of border tourism, highlights its distinctive features in comparison with other forms of tourism, and identifies the principal factors influencing the formation and development of border tourism in Vietnam. These factors include natural geographical conditions, the spatial characteristics of border areas, political and diplomatic relations, cross-border trade activities, transport infrastructure, and cultural interactions among borderland communities.

Through an analysis of representative cases along the Vietnam–China, Vietnam–Laos, and Vietnam–Cambodia border corridors, the article identifies several salient characteristics of contemporary border tourism in Vietnam, such as its strong transnational nature, close linkages with cross-border trade, the significant role of local border communities, and its dependence on a stable political and diplomatic environment. On this basis, the study proposes several development orientations aimed at effectively harnessing the potential of border tourism, thereby contributing to sustainable development in border regions within Vietnam's ongoing process of international integration.

Key words: border tourism, regional integration, border-area development, Vietnam

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Hong Nhung, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: hongnhung@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 06-03-2026
- Revised: 20-05-2026
- Accepted: 31-08-2026
- Published Online: 28-09-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1346>



Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Nhung N T H. **Border Tourism in Vietnam: Characteristics and Development Orientations in the Era of International Integration.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026;10(3):4282-4293.